

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2020.
V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2. Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp L, Xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Ấp L, Xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Bà Trần Thị T trình bày: Bà và Ông Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/1996 tại UBND Xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nguyên nhân: Do bất đồng ý kiến, không đồng chung quan điểm, Ông C không chung thủy với bà từ đó ông bà thường xuyên cãi vã nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể về chung sống lại, bà yêu cầu ly hôn với Ông C.

Về con chung: Trần Minh Đ, sinh năm 1996, chết năm 2012 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của Bà T.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 227, Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bà T, Ông C. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T xử cho Bà Trần Thị T được ly hôn với Ông Trần Văn C. Về con chung: Trần Minh Đ, sinh năm 1996, chết năm 2012.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T khai không có không xem xét.

Về án phí: Bà T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông C đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho Bà T và Tòa án, nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng Ông C vắng mặt không có lý do. Ngày 23/6/2020 Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt Bà T, Ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, Ông C chung sống với nhau năm 1996 có đăng ký kết hôn tại UBND Xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đây là quan hệ hôn

nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống, ông bà bất đồng quan điểm, Ông C thường xuyên bỏ nhà đi từ đó ông bà sống chung không hạnh phúc. Qua xác minh địa phương xác nhận Bà T và Ông C có hộ khẩu thường trú tại Ấp L, Xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Khi còn chung sống ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Ông C bỏ nhà đi từ tháng 01/2020 cho đến nay.

Xét thấy Ông C vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà T, xử cho bà được ly hôn với Ông C là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trần Minh Đ, sinh năm 1996 đã chết.

[4] Về tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình tham gia tố tụng Ông C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bà T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bà Trần Thị T xử cho Bà Trần Thị T được ly hôn với Ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Trần Văn ĐH, sinh năm 1996 đã chết.

3. Về tài sản: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Phước Vinh;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hương